

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 01-4-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm
cố tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đăng Khoa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Toàn và ông Hoàng Trọng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Triệu Phong.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S tiền có ngay; địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991, chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S tiền có ngay (*Văn bản uỷ quyền 442/2024/UQ-SVN ngày 05/5/2024*); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1997; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 16/12/2023, ông Lê Văn Q và Công ty cổ phần S tiền có ngay ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số: 7TM231201007NA17X, số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1538985210 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>Theo nội dung hợp đồng cầm cố này thì ông Lê Văn Q cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 74D1-388.59; Loại xe: Yamaha Exciter; màu: xanh bạc đen; số khung: RLCUG0610HY461390; số máy: G3D4E482508; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007418 do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2022 với mục đích để vay số tiền là 8.630.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*), thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ

16/12/2023 - 16/12/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Lê Văn Q. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty cổ phần S tiền có ngay có ký giấy cho ông Lê Văn Q mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 16/12/2023 đến 16/01/2024 địa điểm trả xe là tại Công ty cổ phần S tiền có ngay - Chi nhánh Đ1 01 và cam kết trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Văn Q có thanh toán cho công ty C kỳ với số tiền 3.036.000 đồng, trong đó: tiền gốc: 2.005.920 đồng, tiền lãi: 262.958 đồng, phí quản lý hồ sơ: 119.872 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 647.250 đồng, các kỳ thanh toán tiếp theo thì ông Q không thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Quá hạn hợp đồng 12 tháng (350 ngày), ông Lê Văn Q không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Lê Văn Q tại địa chỉ: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhưng không gặp. Nay, Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Văn Q thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền: 11.691.000 đồng tính đến ngày 01/4/2025, trong đó: số tiền gốc: 6,624,080 đồng; lãi 372.032 đồng; phí quản lý hồ sơ: 168.761 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn: 3.883.500 đồng; tiền lãi quá hạn: 811,810 đồng. Ngoài ra, ông Lê Văn Q còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký từ ngày 02/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ thì Công ty cổ phần S tiền có ngay có quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô hai bánh biển số 74D1-388.59, chủ sở hữu là ông Lê Văn Q được công an huyện T cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 74007418 ngày 01/7/2022; Loại xe: Yamaha Exciter. Buộc ông Lê Văn Q thực hiện nghĩa vụ trả lại cho Công ty cổ phần S tiền có ngay chiếc xe mô tô hai bánh hiệu: Yamaha Exciter; màu: xanh bạc đen; số khung: RLCUG0610HY461390; số máy: G3D4E482508.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01/4/2025 và tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Lê Văn Q thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền 11.691.000 đồng (*Mười một triệu sáu trăm chín mốt nghìn đồng*) tính từ ngày 17/04/2024 đến ngày 01/4/2025 bao gồm: tiền gốc: 6,624,080 đồng; tiền lãi: 372.032 đồng (1.1%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 3.883.500 đồng (5%/tháng); Lãi quá hạn: 811.810 đồng (1.65%/tháng). Ngoài ra, ông Lê Văn Q còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Công ty rút yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu sau đây: khoản tiền phí quản lý hồ sơ 168.761 đồng, một phần lãi quá hạn là 136.022 đồng và rút yêu cầu về việc buộc ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nhưng ông Lê Văn Q không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp, hoà giải và phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn Q có địa chỉ tại: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn, Công ty cổ phần S tiền có ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn Q phải trả số tiền đã vay của công ty là 11.996.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng*) theo hợp đồng cầm cố tài sản giữa Công ty Cổ phần S1 Có Ngay và ông Lê Văn Q số: 7TM231201007NA17X ngày 16/12/2023. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản*” theo quy định tại Điều 309, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nhưng ông Lê Văn Q không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp hoà giải và phiên toà. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông Q không đến phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Lê Văn Q phải trả lại tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 74D1-388.59; Loại xe: Yamaha Exciter; màu: xanh bạc đen; số khung: RLCUG0610HY461390; số máy: G3D4E482508, theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 01 - Công ty S1 Có Ngay số: 7TM231201007NA17X ngày 16/12/2023; khoản tiền phí quản lý hồ sơ 168.761 đồng và một phần lãi quá hạn là 136.022 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu trên của nguyên đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu buộc ông Lê Văn Q thanh toán cho Công ty Cổ phần S tiền có ngay số tiền 11.691.000 đồng (*Mười một triệu sáu trăm chín mươi một ngàn đồng*) tính từ ngày 17/04/2024 đến ngày 01/04/2025 bao gồm: tiền gốc: 6.624.080 đồng; tiền lãi: 372.032 đồng (1.1%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 3.883.500 đồng (5%/tháng); Lãi quá hạn: 811.810 đồng (1.65%/tháng). Thấy rằng việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên chấp nhận.

[2.2] Xem xét hợp đồng cầm cố tài sản, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 16/12/2023 thông qua Hợp đồng cầm cố số 7TM231201007NA17X, hợp đồng cầm cố này được đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống đăng ký Trực

tuyển của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1538985210 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> Công ty Cổ phần S tiền có ngay đã giải ngân cho ông Lê Văn Q vay số tiền 8.630.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*), thời hạn cầm cố là 12 tháng (*từ 16/12/2023 - 16/12/2024*) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 74D1-388.59; Loại xe: Yamaha Exciter; màu: xanh bạc đen; số khung: RLCUG0610HY461390; số máy: G3D4E482508 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn Q. Xét thấy, hợp đồng cầm cố tài sản bao gồm cả nội dung vay tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 309, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Công ty cổ phần S tiền có ngay khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả số tiền 11.691.000 đồng, trong đó tiền gốc: 6.624.080 đồng, tiền lãi: 372.032 đồng (1.1%/tháng); tiền lãi quá hạn: 811.810 đồng (1.65%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 3.883.500 đồng (5%/tháng), Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số 7TM231201007NA17X ngày 16/12/2023 giữa Công ty Cổ phần S tiền có ngay đã ký kết với ông Lê Văn Q, thời hạn cầm cố là 12 tháng (*từ 16/12/2023 - 16/12/2024*) lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày kí hợp đồng và nhận tiền; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 16/12/2023, Công ty Cổ phần S tiền có ngay đã giải ngân cho ông Q số tiền 8.630.000 đồng. Tính đến nay ông Q mới chỉ thanh toán cho công ty số tiền 3.036.000 đồng (03 kỳ), còn nợ số tiền gốc 6.624.080 đồng. Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S tiền có ngay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất trong hạn: Công ty Cổ phần S tiền có ngay ký kết với ông Q, thời hạn vay là 12 (*từ 16/12/2023 - 16/12/2024*) với lãi suất cố định là 1,1%/tháng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về lãi suất quá hạn: Tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố quy định: “*Nếu quá hạn bên B cam kết ngoài số tiền thanh toán quy định của Hợp đồng cầm cố còn phải chấp nhận thanh toán phí trả chậm tương đương 150 lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ*”. Căn cứ khoản 5 Điều 466 BLDS thì mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Từ các mục [2.2] và [2.3], Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1; buộc ông Lê Văn Q phải nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/4/2025 là: 11.691.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng), trong đó: tiền gốc: 6.624.080 đồng, tiền lãi: 372.032 đồng (1.1%/tháng); tiền lãi quá hạn: 811.810 đồng (1.65%/tháng); phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 3.883.500 đồng (5%/tháng).

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 584.571 đồng, làm tròn số là 585.000 đồng (11.691.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều

147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty cổ phần S tiền có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 309, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay: Buộc ông Lê Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/4/2025 là: 11.691.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng), trong đó: tiền gốc: 6.624.080 đồng, tiền lãi trong hạn: 372.032 đồng, tiền lãi quá hạn: 811.810 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe: 3.883.500 đồng.

Trường hợp ông Lê Văn Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì Công Ty Cổ Phần S1 Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe mô tô hai bánh mang tên ông Lê Văn Q, biển kiểm soát: 74D1-388.59, Loại xe: Yamaha Exciter, Số khung: RLCUG0610HY461390, Số máy: G3D4E482508, được Công an huyện T cấp giấy chứng nhận số 74007418 ngày 01/7/2022 ngày 01/07/2022 theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh Đ1 - Công ty Cổ Phần S1 Có Ngay số 7TM231201007NA17X ngày 16/12/2023 để thu hồi nợ. Ông Lê Văn Q còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (01/4/2025) cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết.

2. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần S1 Có Ngay gồm: yêu cầu ông Lê Văn Q phải trả lại tài sản bảo đảm là chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 74D1-388.59, Loại xe: Yamaha Exciter, được Công an huyện T cấp giấy chứng nhận số 74007418 ngày 01/07/2022; khoản tiền phí quản lý hồ sơ 168.761 đồng và lãi quá hạn là 136.022 đồng.

3. Về án phí: Bị đơn ông Lê Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 585.000 đồng (*Năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng*).

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000269 ngày 06/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đăng Khoa